

Số: 58 /QĐ-ĐHLĐXH

Hà Nội, ngày 11 tháng 01 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ**  
**Quản trị nhân lực khóa 5 (Đợt 2)**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI**

Căn cứ Quyết định số 1263/QĐ-LĐTĐXH ngày 07/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Lao động - Xã hội;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT - BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1854/QĐ-ĐHLĐXH ngày 10/10/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 2689/QĐ-ĐHLĐXH ngày 17/12/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội về việc thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp trình độ thạc sĩ năm 2018;

Căn cứ Biên bản họp ngày 08/01/2019 của Hội đồng xét tốt nghiệp trình độ thạc sĩ năm 2018;

Xét đề nghị của Trường khoa Sau đại học,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ Quản trị nhân lực (đợt 2) cho 02 học viên cao học khóa 5 (2015-2017) của Trường Đại học Lao động - Xã hội (có danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các ông, bà Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp, Trưởng phòng Kế toán - Tài chính, Trường khoa Sau đại học, Trưởng các đơn vị có liên quan và các học viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Website Trường;
- Lưu: VT, K. SĐH.



**TS. Hà Xuân Hùng**

**DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC KHÓA 5**  
**Được công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ Quản trị nhân lực**

(Kèm theo Quyết định số: 58 /QĐ-DHLĐXH ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động – Xã hội)

| TT  | MSHV    | Họ và tên          | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Lớp   | Điểm TBC các học phần theo thang điểm 10 | Điểm bảo vệ luận văn tốt nghiệp |
|-----|---------|--------------------|-----------|------------|------------|-------|------------------------------------------|---------------------------------|
| (1) | (2)     | (3)                | (4)       | (5)        | (6)        | (7)   | (8)                                      | (9)                             |
| 1   | QT05043 | Võ Đức Huy         | Nam       | 01/02/1989 | Quảng Ninh | K5QT1 | 6,7                                      | 8,0                             |
| 2   | QT05047 | Đặng Thị Lan Hương | Nữ        | 16/03/1989 | Hà Nội     | K5QT1 | 7,5                                      | 8,5                             |

Danh sách này gồm có: 02 học viên./.

**HIỆU TRƯỞNG**  
TRƯỜNG  
ĐẠI HỌC  
LAO ĐỘNG  
XÃ HỘI  
TS. Hà Xuân Hùng

BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 60 /QĐ-ĐHLĐXH

Hà Nội, ngày 11 tháng 01 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ**  
**Quản trị nhân lực khóa 6 (Đợt 1)**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI**

Căn cứ Quyết định số 1263/QĐ-LĐTBXH ngày 07/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc qui định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Lao động - Xã hội;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT - BGDDT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1854/QĐ-ĐHLĐXH ngày 10/10/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 2689/QĐ-ĐHLĐXH ngày 17/12/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội về việc thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp trình độ thạc sĩ năm 2018;

Căn cứ Biên bản họp ngày 08/01/2019 của Hội đồng xét tốt nghiệp trình độ thạc sĩ năm 2018;

Xét đề nghị của Trường khoa Sau đại học,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ Quản trị nhân lực (đợt 1) cho 95 học viên cao học khóa 6 (2016-2018) của Trường Đại học Lao động - Xã hội (có danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các ông, bà Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp, Trưởng phòng Kế toán - Tài chính, Trường khoa Sau đại học, Trưởng các đơn vị có liên quan và các học viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Website Trường;
- Lưu: VT, K. SĐH.

  
TS. Hà Xuân Hùng



**DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC KHÓA 6**  
**Được công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ Quản trị nhân lực**

(Kèm theo Quyết định số: 60 /QĐ-ĐHLĐXH ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động – Xã hội)

| TT  | MSHV    | Họ và tên         |       | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Lớp   | Điểm TBC các học phần theo thang điểm 10 | Điểm bảo vệ luận văn tốt nghiệp |
|-----|---------|-------------------|-------|-----------|------------|-------------|-------|------------------------------------------|---------------------------------|
| (1) | (2)     | (3)               |       | (4)       | (5)        | (6)         | (7)   | (8)                                      | (9)                             |
| 1   | QT06002 | Bùi Tuấn          | Anh   | Nam       | 02/07/1981 | Hà Nội      | K6QT1 | 7,4                                      | 8,5                             |
| 2   | QT06003 | Hoàng Mai         | Anh   | Nữ        | 04/11/1977 | Hà Nội      | K6QT3 | 8,4                                      | 8,8                             |
| 3   | QT06005 | Lê Thị Lan        | Anh   | Nữ        | 02/09/1991 | Nghệ An     | K6QT1 | 7,9                                      | 8,6                             |
| 4   | QT06006 | Nguyễn Kiều       | Anh   | Nữ        | 03/04/1993 | Nam Định    | K6QT2 | 7,7                                      | 7,5                             |
| 5   | QT06008 | Vũ Thị Trung      | Anh   | Nữ        | 07/01/1994 | Hà Nội      | K6QT1 | 7,7                                      | 8,6                             |
| 6   | QT06009 | Nguyễn Thị Phương | Bắc   | Nữ        | 04/01/1984 | Thái Nguyên | K6QT1 | 7,5                                      | 8,5                             |
| 7   | QT06013 | Nguyễn Văn        | Bùi   | Nam       | 17/04/1979 | Hà Nội      | K6QT1 | 7,5                                      | 8,5                             |
| 8   | QT06014 | Nguyễn Ngọc       | Cái   | Nam       | 16/08/1979 | Hải Dương   | K6QT2 | 6,7                                      | 8,6                             |
| 9   | QT06017 | Đào Thị Kim       | Chi   | Nữ        | 24/07/1982 | Hà Nội      | K6QT1 | 7,4                                      | 8,8                             |
| 10  | QT06019 | Lê Thành          | Công  | Nam       | 24/06/1975 | Bắc Ninh    | K6QT3 | 7,7                                      | 8,6                             |
| 11  | QT06020 | Vũ Minh           | Cương | Nam       | 30/05/1981 | Ninh Bình   | K6QT3 | 8,0                                      | 8,6                             |
| 12  | QT06021 | Nguyễn Hồng       | Diệp  | Nữ        | 27/12/1990 | Hưng Yên    | K6QT3 | 8,0                                      | 8,6                             |
| 13  | QT06022 | Trần Thị Hồng     | Diệp  | Nữ        | 14/11/1983 | Thái Bình   | K6QT3 | 8,5                                      | 8,8                             |
| 14  | QT06024 | Nguyễn Thị Hồng   | Dung  | Nữ        | 04/11/1982 | Điện Biên   | K6QT1 | 7,1                                      | 8,8                             |
| 15  | QT06025 | Lê Thị Bích       | Duyên | Nữ        | 06/06/1979 | Thanh Hóa   | K6QT1 | 6,9                                      | 8,5                             |
| 16  | QT06026 | Nguyễn Thị        | Dương | Nữ        | 20/08/1987 | Hà Tĩnh     | K6QT3 | 8,1                                      | 8,8                             |
| 17  | QT06027 | Phạm Thị Anh      | Đào   | Nữ        | 20/02/1985 | Thanh Hóa   | K6QT2 | 7,2                                      | 8,4                             |

| TT  | MSHV    | Họ và tên             | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh  | Lớp   | Điểm TBC các học phần theo thang điểm 10 | Điểm bảo vệ luận văn tốt nghiệp |
|-----|---------|-----------------------|-----------|------------|-----------|-------|------------------------------------------|---------------------------------|
| (1) | (2)     | (3)                   | (4)       | (5)        | (6)       | (7)   | (8)                                      | (9)                             |
| 18  | QT06029 | Nguyễn Duy Đức        | Nam       | 04/10/1979 | Vĩnh Phúc | K6QT1 | 7,3                                      | 8,4                             |
| 19  | QT06032 | Đào Thị Hương         | Nữ        | 03/05/1984 | Hà Nội    | K6QT3 | 7,8                                      | 8,5                             |
| 20  | QT06034 | Trần Thị Hương        | Nữ        | 18/11/1991 | Hà Nội    | K6QT2 | 7,3                                      | 8,5                             |
| 21  | QT06035 | Trần Thị Thanh        | Nữ        | 10/11/1979 | Bắc Giang | K6QT3 | 8,1                                      | 8,6                             |
| 22  | QT06036 | Đinh Thu Hà           | Nữ        | 30/08/1991 | Hà Nội    | K6QT2 | 7,4                                      | 8,2                             |
| 23  | QT06037 | Đinh Việt Hà          | Nam       | 26/10/1987 | Hải Dương | K6QT2 | 7,6                                      | 8,6                             |
| 24  | QT06038 | Nguyễn Thị Hà         | Nữ        | 17/08/1992 | Ninh Bình | K6QT3 | 7,5                                      | 8,3                             |
| 25  | QT06039 | Phạm Thị Hà           | Nữ        | 02/07/1986 | Ninh Bình | K6QT2 | 7,0                                      | 8,2                             |
| 26  | QT06041 | Vùi Thị Hà            | Nữ        | 20/11/1990 | Lào Cai   | K6QT1 | 7,6                                      | 8,0                             |
| 27  | QT06042 | Bùi Tuyết Hạnh        | Nữ        | 24/08/1988 | Phú Thọ   | K6QT1 | 7,8                                      | 8,2                             |
| 28  | QT06043 | Vũ Thị Hạnh           | Nữ        | 23/11/1990 | Hà Nội    | K6QT1 | 7,8                                      | 8,2                             |
| 29  | QT06044 | Đinh Thị Hằng         | Nữ        | 15/09/1986 | Ninh Bình | K6QT2 | 7,5                                      | 8,6                             |
| 30  | QT06045 | Lưu Thị Diệu Hằng     | Nữ        | 05/12/1991 | Hải Dương | K6QT1 | 8,1                                      | 8,6                             |
| 31  | QT06046 | Nguyễn Thị Thanh Hằng | Nữ        | 13/01/1972 | Hưng Yên  | K6QT1 | 8,0                                      | 8,8                             |
| 32  | QT06047 | Đào Đức Hiền          | Nam       | 23/06/1979 | Ninh Bình | K6QT3 | 7,9                                      | 8,5                             |
| 33  | QT06048 | Phạm Thu Hoài         | Nữ        | 09/11/1992 | Bắc Giang | K6QT1 | 7,9                                      | 8,6                             |
| 34  | QT06051 | Trần Thị Hồng         | Nữ        | 16/08/1994 | Nam Định  | K6QT3 | 7,7                                      | 9,6                             |
| 35  | QT06052 | Đào Thị Huệ           | Nữ        | 21/12/1993 | Hưng Yên  | K6QT3 | 7,8                                      | 8,6                             |
| 36  | QT06053 | Lại Thái Hùng         | Nam       | 19/09/1989 | Hà Nội    | K6QT1 | 7,6                                      | 8,0                             |
| 37  | QT06054 | Hoàng Thị Huyền       | Nữ        | 07/12/1993 | Hà Nội    | K6QT2 | 7,6                                      | 8,6                             |
| 38  | QT06055 | Tăng Thị Thanh Huyền  | Nữ        | 18/07/1991 | Bắc Giang | K6QT3 | 8,3                                      | 8,6                             |
| 39  | QT06057 | Nguyễn Tuấn Hưng      | Nam       | 09/10/1987 | Ninh Bình | K6QT2 | 6,7                                      | 8,6                             |

TRU  
ĐA  
LAO  
X

| TT  | MSHV    | Họ và tên        |        | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Lớp   | Điểm TBC các học phần theo thang điểm 10 | Điểm bảo vệ luận văn tốt nghiệp |
|-----|---------|------------------|--------|-----------|------------|-------------|-------|------------------------------------------|---------------------------------|
| (1) | (2)     | (3)              |        | (4)       | (5)        | (6)         | (7)   | (8)                                      | (9)                             |
| 40  | QT06058 | Hoàng Mai        | Hương  | Nữ        | 20/10/1983 | Hà Nội      | K6QT3 | 8,0                                      | 8,8                             |
| 41  | QT06059 | Nguyễn Bảo       | Hương  | Nữ        | 05/12/1988 | Bắc Ninh    | K6QT3 | 7,7                                      | 8,3                             |
| 42  | QT06060 | Nguyễn Thị Thu   | Hương  | Nữ        | 12/12/1986 | Ninh Bình   | K6QT3 | 8,4                                      | 8,6                             |
| 43  | QT06061 | Phạm Thị Thu     | Hương  | Nữ        | 06/11/1993 | Ninh Bình   | K6QT3 | 7,6                                      | 8,4                             |
| 44  | QT06062 | Nguyễn Văn       | Khải   | Nam       | 28/07/1971 | Hà Nam      | K6QT2 | 7,5                                      | 8,8                             |
| 45  | QT06063 | Lê Ngọc          | Lan    | Nữ        | 22/04/1977 | Quảng Ninh  | K6QT2 | 7,8                                      | 8,3                             |
| 46  | QT06064 | Trương Thị       | Lan    | Nữ        | 15/08/1981 | Thái Nguyên | K6QT2 | 7,8                                      | 8,6                             |
| 47  | QT06065 | Nghiêm Thị       | Liên   | Nữ        | 08/04/1989 | Hà Nội      | K6QT1 | 7,4                                      | 8,5                             |
| 48  | QT06067 | Đỗ Hoài          | Linh   | Nữ        | 04/02/1980 | Hà Nội      | K6QT1 | 7,1                                      | 8,8                             |
| 49  | QT06069 | Nguyễn Kiều      | Linh   | Nam       | 19/05/1992 | Hòa Bình    | K6QT3 | 7,8                                      | 8,8                             |
| 50  | QT06070 | Nguyễn Thị Ngọc  | Linh   | Nữ        | 28/12/1993 | Bắc Ninh    | K6QT3 | 7,9                                      | 8,6                             |
| 51  | QT06072 | Nguyễn Thị Sương | Mai    | Nữ        | 18/08/1973 | Hà Nội      | K6QT1 | 7,7                                      | 8,8                             |
| 52  | QT06073 | Lê Thu           | Minh   | Nữ        | 09/01/1990 | Thái Bình   | K6QT3 | 7,0                                      | 8,2                             |
| 53  | QT06074 | Nguyễn Trà       | My     | Nữ        | 20/01/1989 | Hà Nội      | K6QT2 | 7,2                                      | 8,5                             |
| 54  | QT06076 | Mai Tuyết        | Nga    | Nữ        | 07/10/1993 | Quảng Ninh  | K6QT2 | 8,4                                      | 8,6                             |
| 55  | QT06077 | Nguyễn Thị Kim   | Ngân   | Nữ        | 06/05/1993 | Hà Nam      | K6QT2 | 8,0                                      | 8,8                             |
| 56  | QT06078 | Lê               | Ngọc   | Nữ        | 26/08/1991 | Hải Phòng   | K6QT1 | 7,3                                      | 8,5                             |
| 57  | QT06080 | Nguyễn Thị Thu   | Nguyên | Nữ        | 22/12/1984 | Vĩnh Phúc   | K6QT1 | 6,8                                      | 8,6                             |
| 58  | QT06081 | Nguyễn Thị Ánh   | Nguyệt | Nữ        | 04/11/1994 | Thanh Hóa   | K6QT3 | 8,1                                      | 8,6                             |
| 59  | QT06084 | Nguyễn Thị       | Nhung  | Nữ        | 10/10/1990 | Bắc Giang   | K6QT2 | 7,5                                      | 8,6                             |
| 60  | QT06086 | Đỗ Huy           | Như    | Nam       | 06/09/1976 | Hưng Yên    | K6QT3 | 7,7                                      | 8,6                             |
| 61  | QT06087 | Nguyễn Thị       | Oanh   | Nữ        | 10/10/1981 | Nghệ An     | K6QT1 | 7,3                                      | 8,8                             |

ĐANG  
HỌ  
ĐỘN  
HỌ

Khuy

| TT  | MSHV    | Họ và tên              | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh  | Lớp   | Điểm TBC các học phần theo thang điểm 10 | Điểm bảo vệ luận văn tốt nghiệp |
|-----|---------|------------------------|-----------|------------|-----------|-------|------------------------------------------|---------------------------------|
| (1) | (2)     | (3)                    | (4)       | (5)        | (6)       | (7)   | (8)                                      | (9)                             |
| 62  | QT06089 | Đào Lê Thu Phương      | Nữ        | 03/06/1977 | Hà Nội    | K6QT1 | 7,7                                      | 8,6                             |
| 63  | QT06090 | Nguyễn Thị Phương      | Nữ        | 14/04/1990 | Ninh Bình | K6QT2 | 7,6                                      | 8,6                             |
| 64  | QT06091 | Nguyễn Thị Mai         | Nữ        | 25/10/1988 | Hà Nội    | K6QT2 | 7,6                                      | 8,5                             |
| 65  | QT06093 | Vũ Minh                | Nam       | 02/11/1985 | Hà Nội    | K6QT1 | 7,4                                      | 8,4                             |
| 66  | QT06094 | Lê Xuân Quý            | Nam       | 06/07/1983 | Thanh Hóa | K6QT2 | 7,6                                      | 8,2                             |
| 67  | QT06095 | Bùi Văn Quyết          | Nam       | 06/11/1978 | Thái Bình | K6QT2 | 8,0                                      | 8,8                             |
| 68  | QT06097 | Trịnh Quang Sơn        | Nam       | 08/03/1980 | Nam Định  | K6QT1 | 7,8                                      | 8,8                             |
| 69  | QT06098 | Đặng Thị Minh Tâm      | Nữ        | 07/06/1979 | Hà Nội    | K6QT2 | 7,5                                      | 8,6                             |
| 70  | QT06099 | Lê Thị Thanh Tâm       | Nữ        | 08/05/1983 | Lào Cai   | K6QT2 | 7,5                                      | 8,4                             |
| 71  | QT06102 | Phạm Bá Thành          | Nam       | 27/09/1986 | Thái Bình | K6QT1 | 7,7                                      | 8,8                             |
| 72  | QT06104 | Hoàng Bích Thảo        | Nữ        | 20/10/1993 | Phú Thọ   | K6QT1 | 7,4                                      | 8,6                             |
| 73  | QT06105 | Nguyễn Thị Phương Thảo | Nữ        | 12/12/1992 | Phú Thọ   | K6QT3 | 8,0                                      | 8,6                             |
| 74  | QT06106 | Bùi Đình Thắng         | Nam       | 19/08/1965 | Nam Định  | K6QT1 | 7,7                                      | 8,9                             |
| 75  | QT06108 | Lê Hữu Thiệp           | Nam       | 04/03/1988 | Hà Nội    | K6QT2 | 7,1                                      | 7,0                             |
| 76  | QT06109 | Lê Tất Thịnh           | Nam       | 11/07/1981 | Hà Nội    | K6QT1 | 7,6                                      | 8,6                             |
| 77  | QT06110 | Hoàng Ngọc Thu         | Nữ        | 21/10/1984 | Hà Nội    | K6QT2 | 7,2                                      | 8,5                             |
| 78  | QT06111 | Nguyễn Thị Thu         | Nữ        | 25/08/1985 | Nam Định  | K6QT2 | 8,2                                      | 8,8                             |
| 79  | QT06112 | Đào Kim Thủy           | Nữ        | 15/08/1994 | Hung Yên  | K6QT3 | 8,1                                      | 8,5                             |
| 80  | QT06114 | Nguyễn Thị Thúy        | Nữ        | 02/05/1990 | Bắc Ninh  | K6QT3 | 7,6                                      | 8,2                             |
| 81  | QT06115 | Đàm Thùy Trang         | Nữ        | 09/08/1994 | Hà Nội    | K6QT3 | 7,8                                      | 8,5                             |
| 82  | QT06116 | Đỗ Thị Thu Trang       | Nữ        | 01/07/1982 | Bắc Ninh  | K6QT2 | 8,4                                      | 8,8                             |
| 83  | QT06117 | Nguyễn Thị Trang       | Nữ        | 03/03/1990 | Hà Nội    | K6QT3 | 7,4                                      | 8,4                             |



| TT  | MSHV    | Họ và tên             | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Lớp   | Điểm TBC các học phần theo thang điểm 10 | Điểm bảo vệ luận văn tốt nghiệp |
|-----|---------|-----------------------|-----------|------------|-------------|-------|------------------------------------------|---------------------------------|
| (1) | (2)     | (3)                   | (4)       | (5)        | (6)         | (7)   | (8)                                      | (9)                             |
| 84  | QT06118 | Nguyễn Thị Minh Trang | Nữ        | 18/10/1985 | Hung Yên    | K6QT3 | 8,1                                      | 8,3                             |
| 85  | QT06119 | Phan Quỳnh Trang      | Nữ        | 24/04/1986 | Hà Giang    | K6QT2 | 8,0                                      | 7,7                             |
| 86  | QT06120 | Võ Hồng Trang         | Nữ        | 10/05/1993 | Hà Nội      | K6QT1 | 8,0                                      | 8,2                             |
| 87  | QT06122 | Bàn Thị Trung         | Nữ        | 17/08/1980 | Bắc Ninh    | K6QT1 | 7,7                                      | 8,8                             |
| 88  | QT06123 | Nguyễn Ngọc Tú        | Nam       | 04/05/1987 | Hà Nội      | K6QT3 | 8,2                                      | 8,8                             |
| 89  | QT06126 | Nguyễn Duy Tuấn       | Nam       | 15/09/1977 | Hà Nội      | K6QT3 | 6,8                                      | 8,4                             |
| 90  | QT06130 | Nguyễn Thị Vân        | Nữ        | 26/06/1987 | Hà Nội      | K6QT1 | 7,8                                      | 8,6                             |
| 91  | QT06131 | Trần Thị Vân          | Nữ        | 21/03/1978 | Thanh Hóa   | K6QT2 | 7,2                                      | 8,6                             |
| 92  | QT06132 | Hoàng Việt            | Nam       | 28/08/1978 | Vĩnh Phú    | K6QT3 | 7,4                                      | 8,7                             |
| 93  | QT06134 | Trịnh Thị Xuân        | Nữ        | 04/12/1988 | Thái Nguyên | K6QT1 | 8,1                                      | 8,6                             |
| 94  | QT06136 | Trần Thị Hải Yến      | Nữ        | 06/05/1983 | Tuyên Quang | K6QT3 | 8,2                                      | 8,8                             |
| 95  | QT06137 | Võ Thị Ngọc Yến       | Nữ        | 31/10/1974 | Hà Nội      | K6QT1 | 7,2                                      | 8,8                             |

Danh sách này gồm có: 95 học viên./.

**HIỆU TRƯỞNG**  
  
**TS. Hà Xuân Hùng**



BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

Số: 200 /QĐ-ĐHLĐXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ**  
**Quản trị nhân lực khóa 5 (Đợt 3)**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI**

Căn cứ Quyết định số 1263/QĐ-LĐTBXH ngày 07/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Lao động - Xã hội;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1854/QĐ-ĐHLĐXH ngày 10/10/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động – Xã hội về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 2689/QĐ-ĐHLĐXH ngày 17/12/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội về việc thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp trình độ thạc sĩ năm 2018;

Căn cứ Biên bản họp ngày 24/01/2019 của Hội đồng xét tốt nghiệp trình độ thạc sĩ năm 2018;

Xét đề nghị của Trường khoa Sau đại học,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ Quản trị nhân lực (đợt 3) cho 10 học viên cao học khóa 5 (2015-2017) của Trường Đại học Lao động – Xã hội (có danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các ông, bà Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp, Trưởng phòng Kế toán - Tài chính, Trường khoa Sau đại học, Trưởng các đơn vị có liên quan và các học viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. 

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Website Trường;
- Lưu: VT, K. SĐH.



BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

**DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC KHÓA 5**  
**Được công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ Quản trị nhân lực**

(Kèm theo Quyết định số: 100 /QĐ-ĐHLĐXH ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động – Xã hội)

| TT  | MSHV    | Họ và tên         | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh  | Lớp   | Điểm TBC các học phần theo thang điểm 10 | Điểm bảo vệ luận văn tốt nghiệp |
|-----|---------|-------------------|-----------|------------|-----------|-------|------------------------------------------|---------------------------------|
| (1) | (2)     | (3)               | (4)       | (5)        | (6)       | (7)   | (8)                                      | (9)                             |
| 1   | QT05017 | Nguyễn Thanh Dung | Nữ        | 03/10/1990 | Nam Định  | K5QT1 | 6,9                                      | 8,0                             |
| 2   | QT05021 | Đỗ Thu Hà         | Nữ        | 29/07/1984 | Hà Nội    | K5QT1 | 7,2                                      | 8,8                             |
| 3   | QT05023 | Nguyễn Thị Thu Hà | Nữ        | 20/04/1988 | Bắc Giang | K5QT2 | 7,5                                      | 8,6                             |
| 4   | QT05036 | Lê Quang Hợp      | Nam       | 10/04/1988 | Bắc Giang | K5QT2 | 6,8                                      | 8,2                             |
| 5   | QT05039 | Đặng Văn Hùng     | Nam       | 27/10/1986 | Hải Dương | K5QT2 | 7,4                                      | 8,2                             |
| 6   | QT05054 | Nguyễn Thị La     | Nữ        | 15/03/1990 | Bắc Giang | K5QT1 | 7,3                                      | 8,0                             |
| 7   | QT05068 | Phan Thị Hương Ly | Nữ        | 24/10/1991 | Hà Nội    | K5QT2 | 6,7                                      | 7,5                             |
| 8   | QT05074 | Trần Thị Nhân     | Nữ        | 15/08/1978 | Thanh Hóa | K5QT2 | 6,9                                      | 7,0                             |
| 9   | QT05115 | Đào Hồng Vân      | Nữ        | 20/11/1990 | Thanh Hóa | K5QT1 | 7,6                                      | 8,0                             |
| 10  | QT05116 | Nguyễn Hồng Vân   | Nữ        | 11/09/1992 | Hà Nội    | K5QT1 | 7,2                                      | 8,3                             |

Danh sách này gồm có: 10 học viên./.



Số: 201 /QĐ-ĐHLĐXH

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ**  
**Quản trị nhân lực khóa 6 (Đợt 2)**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI**

Căn cứ Quyết định số 1263/QĐ-LĐTBXH ngày 07/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Lao động - Xã hội;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT - BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1854/QĐ-ĐHLĐXH ngày 10/10/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 2689/QĐ-ĐHLĐXH ngày 17/12/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội về việc thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp trình độ thạc sĩ năm 2018;

Căn cứ Biên bản họp ngày 24/01/2019 của Hội đồng xét tốt nghiệp trình độ thạc sĩ năm 2018;

Xét đề nghị của Trường khoa Sau đại học,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ Quản trị nhân lực (đợt 2) cho 27 học viên cao học khóa 6 (2016-2018) của Trường Đại học Lao động - Xã hội (có danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các ông, bà Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp, Trưởng phòng Kế toán - Tài chính, Trường khoa Sau đại học, Trưởng các đơn vị có liên quan và các học viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Website Trường;
- Lưu: VT, K. SĐH.

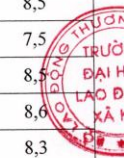




**DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC KHÓA 6**  
**Được công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ Quản trị nhân lực**

(Kèm theo Quyết định số: 201 /QĐ-ĐHLĐXH ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động – Xã hội)

| TT  | MSHV    | Họ và tên           | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Lớp   | Điểm TBC các học phần theo thang điểm 10 | Điểm bảo vệ luận văn tốt nghiệp |
|-----|---------|---------------------|-----------|------------|-------------|-------|------------------------------------------|---------------------------------|
| (1) | (2)     | (3)                 | (4)       | (5)        | (6)         | (7)   | (8)                                      | (9)                             |
| 1   | QT06001 | Phùng Thế An        | Nam       | 14/04/1986 | Hà Nội      | K6QT3 | 7,5                                      | 8,0                             |
| 2   | QT06004 | Lê Thị Kim Anh      | Nữ        | 16/04/1988 | Hòa Bình    | K6QT1 | 7,8                                      | 8,5                             |
| 3   | QT06007 | Phạm Vũ Hồng Anh    | Nữ        | 31/10/1994 | Thái Nguyên | K6QT1 | 7,5                                      | 7,5                             |
| 4   | QT06010 | Trương Thị Bích     | Nữ        | 08/03/1991 | Thái Bình   | K6QT1 | 7,5                                      | 8,5                             |
| 5   | QT06011 | Bùi Văn Bình        | Nam       | 11/02/1984 | Bắc Ninh    | K6QT2 | 7,1                                      | 8,6                             |
| 6   | QT06012 | Lê Thị Bình         | Nữ        | 14/02/1981 | Thanh Hóa   | K6QT1 | 7,5                                      | 8,3                             |
| 7   | QT06015 | Lê Thị Cẩm          | Nữ        | 18/08/1982 | Quảng Ninh  | K6QT1 | 7,9                                      | 8,6                             |
| 8   | QT06016 | Vũ Thị Quỳnh        | Nữ        | 08/06/1984 | Tuyên Quang | K6QT2 | 7,4                                      | 8,5                             |
| 9   | QT06018 | Đỗ Yến Chi          | Nữ        | 12/12/1991 | Hà Nội      | K6QT1 | 7,7                                      | 8,5                             |
| 10  | QT06023 | Bùi Thị Phương Dung | Nữ        | 01/03/1978 | Quảng Ninh  | K6QT2 | 7,2                                      | 8,5                             |
| 11  | QT06031 | Nguyễn Trí Đức      | Nam       | 21/06/1987 | Yên Bái     | K6QT3 | 7,0                                      | 8,6                             |
| 12  | QT06049 | Phạm Minh Hoàng     | Nam       | 24/05/1993 | Hà Nội      | K6QT2 | 6,9                                      | 8,2                             |
| 13  | QT06050 | Lê Thu Hồng         | Nữ        | 23/07/1993 | Phú Thọ     | K6QT1 | 7,9                                      | 8,0                             |
| 14  | QT06056 | Vũ Thùy Huyền       | Nữ        | 26/10/1992 | Hà Nội      | K6QT1 | 7,5                                      | 8,3                             |



*Thư*



| TT  | MSHV    | Họ và tên             | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Lớp   | Điểm TBC các học phần theo thang điểm 10 | Điểm bảo vệ luận văn tốt nghiệp |
|-----|---------|-----------------------|-----------|------------|------------|-------|------------------------------------------|---------------------------------|
| (1) | (2)     | (3)                   | (4)       | (5)        | (6)        | (7)   | (8)                                      | (9)                             |
| 15  | QT06066 | Dương Khánh Linh      | Nữ        | 27/09/1994 | Thanh Hóa  | K6QT3 | 7,7                                      | 8,6                             |
| 16  | QT06068 | Mai Việt Linh         | Nam       | 16/01/1992 | Hải Dương  | K6QT2 | 7,3                                      | 8,8                             |
| 17  | QT06071 | Trần Thị Lý           | Nữ        | 19/01/1987 | Thái Bình  | K6QT1 | 6,9                                      | 8,6                             |
| 18  | QT06079 | Lưu Hạnh Nguyên       | Nữ        | 15/10/1991 | Hà Nội     | K6QT1 | 6,8                                      | 8,3                             |
| 19  | QT06082 | Hà Thị Thanh Nhân     | Nữ        | 04/02/1992 | Hà Nội     | K6QT1 | 7,7                                      | 8,0                             |
| 20  | QT06083 | Khổng Thị Quỳnh Nhung | Nữ        | 08/07/1981 | Quảng Ninh | K6QT1 | 7,9                                      | 8,6                             |
| 21  | QT06096 | Dương Thị Quỳnh       | Nữ        | 14/04/1991 | Nam Định   | K6QT1 | 7,9                                      | 8,8                             |
| 22  | QT06101 | Đoàn Duy Thái         | Nam       | 17/08/1990 | Yên Bái    | K6QT1 | 7,1                                      | 8,2                             |
| 23  | QT06107 | Trần Ngọc Thắng       | Nam       | 21/03/1976 | Hà Nội     | K6QT2 | 6,6                                      | 8,6                             |
| 24  | QT06113 | Phạm Thị Thu Thủy     | Nữ        | 19/06/1993 | Hải Phòng  | K6QT1 | 7,6                                      | 8,2                             |
| 25  | QT06127 | Nguyễn Mạnh Tùng      | Nam       | 14/12/1992 | Bắc Giang  | K6QT1 | 7,4                                      | 8,0                             |
| 26  | QT06129 | Ngô Thị Thanh Vân     | Nữ        | 11/09/1991 | Quảng Ninh | K6QT3 | 7,4                                      | 7,5                             |
| 27  | QT06133 | Nguyễn Thanh Việt     | Nam       | 29/08/1994 | Hà Nội     | K6QT2 | 7,2                                      | 8,4                             |

Danh sách này gồm có: 27 học viên./.

HIỆU TRƯỞNG

